

- Tính diện tích hình tam giác vuông biết độ dài 2 cạnh vuông góc .

- Học sinh làm bài 1, 2, 3 .

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng tính diện tích của hình tam giác thường và tam giác vuông.

**3. Thái độ:** Chăm thận, tỉ mỉ, chính xác.

**4. Năng lực:**

- Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

## II. CHUẨN BỊ

### 1. Đồ dùng

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Các hình tam giác

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

### 2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

## III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. Hoạt động khởi động:(5phút)</b>	
- Cho HS thi nêu các tính diện tích hình tam giác. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi nêu  - HS nghe - HS ghi vở
<b>2. Hoạt động thực hành:(28phút)</b> <i>* Mục tiêu:</i> - Biết tính diện tích hình tam giác - Tính diện tích hình tam giác vuông biết độ dài 2 cạnh vuông góc . - Học sinh làm bài 1, 2, 3 . <i>* Cách tiến hành:</i>	
<b>Bài 1: Cá nhân</b> - Yêu cầu HS đọc đề - Yêu cầu HS làm bài vào vở - Cho HS chia sẻ kết quả trước lớp. - Yêu cầu HS nêu lại cách tính diện tích hình tam giác. - GV chốt lại kiến thức.	- HS đọc đề bài - HS làm vở sau đó chia sẻ trước lớp a) $S = 30,5 \times 12 : 2 = 183 \text{ (dm}^2\text{)}$ b) $16\text{dm} = 1,6\text{m}$ $S = 1,6 \times 5,3 : 2 = 4,24\text{(m}^2\text{)}$
<b>Bài 2: Cá nhân</b> - Yêu cầu HS đọc đề - GV vẽ hình lên bảng - Yêu cầu HS tìm các đường cao tương ứng với các đáy của hình tam giác ABC và DEG.	- HS đọc đề - HS quan sát - HS trao đổi với nhau và nêu + Đường cao tương ứng với đáy AC của hình tam giác ABC chính là BA

<p>- Hình tam giác ABC và DEG trong bài là hình tam giác gì ?</p> <p>- <b>KL:</b> Trong hình tam giác vuông hai cạnh góc vuông chính là đường cao của tam giác</p> <p><b>Bài 3: Cá nhân</b></p> <p>- Yêu cầu HS đọc đề</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài và chia sẻ trước lớp.</p> <p>- GV kết luận</p> <p><b>Bài 4(M3,4): Cá nhân</b></p> <p>- Cho HS tự làm bài vào vở</p> <p>- GV hướng dẫn nếu cần thiết.</p>	<p>+ Đường cao tương ứng với đáy ED của tam giác DEG là GD.</p> <p>+ Đường cao tương ứng với đáy GD của tam giác DEG là ED</p> <p>- Là hình tam giác vuông</p> <p>- HS đọc đề</p> <p>- HS tự làm bài vào vở sau đó chia sẻ cách làm.</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>a) Diện tích của hình tam giác vuông ABC là:</p> $3 \times 4 : 2 = 6(\text{cm}^2)$ <p>b) Diện tích của hình tam giác vuông DEG là:</p> $5 \times 3 : 2 = 7,5(\text{cm}^2)$ <p>Đáp số: a. <math>6\text{cm}^2</math> b. <math>7,5\text{cm}^2</math></p> <p>- Cho HS tự đọc bài và làm bài vào vở. Báo cáo kết quả cho GV</p> <p>a) Đo độ dài các cạnh của hình chữ nhật ABCD:</p> $AB = DC = 4\text{cm}$ $AD = BC = 3\text{cm}$ <p>Diện tích hình tam giác ABC là:</p> $4 \times 3 : 2 = 6(\text{cm}^2)$ <p>b) Đo độ dài các cạnh của hình chữ nhật MNPQ và cạnh ME:</p> $MN = QP = 4\text{cm}$ $MQ = NP = 3\text{cm}$ $ME = 1\text{cm}$ $EN = 3\text{cm}$ <p>Tính:</p> <p>Diện tích hình chữ nhật MNPQ là:</p> $4 \times 3 = 12(\text{cm}^2)$ <p>Diện tích hình tam giác MQE là:</p> $3 \times 1 : 2 = 1,5(\text{cm}^2)$
---	--

	Diện tích hình tam giác NPE là: $3 \times 3 : 2 = 4,5(\text{cm}^2)$ Tổng diện tích 2 hình tam giác MQE và NPE là : $1,5 + 4,5 = 6(\text{cm}^2)$ Diện tích hình tam giác EQP là: $12 - 6 = 6(\text{cm}^2)$
<b>3. Hoạt động ứng dụng:</b> (2 phút)	
- Cho HS tính diện tích của hình tam giác có độ dài đáy là 18dm, chiều cao 3,5m.	- HS tính: $S = 18 \times 3,5 = 630(\text{dm}^2)$ Hay: $S = 1,8 \times 3,5 = 6,3(\text{m}^2)$
<b>4. Hoạt động sáng tạo:</b> (1 phút)	
- Về nhà tìm cách tính chiều cao khi biết diện tích và độ dài đáy tương ứng.	- HS nghe và thực hiện

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....  
 .....  
 .....

-----  
*Tiếng Việt*  
**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 3)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Lập được bảng tổng kết vốn từ về môi trường .
- HS (M3,4) nhận biết một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các bài thơ bài văn.

**2. Kỹ năng:** Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .

**3. Thái độ:** Yêu thích môn học.

**\*GDBVMT:** Giáo dục HS biết bảo vệ môi trường

**4. Năng lực:**

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**
- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Phiếu viết tên các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học, Bảng nhóm kẻ theo mẫu SGK
- Học sinh: Sách giáo khoa

**2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút, động não.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

<b>Hoạt động của thầy</b>	<b>Hoạt động của trò</b>
---------------------------	--------------------------

<b>1. Hoạt động khởi động:(5phút)</b>			
- Cho HS thi kể tên các bài tập đọc thuộc chủ đề: <b>Giữ lấy màu xanh</b>		- HS thi kể	
- Giáo viên nhận xét.		- HS nghe	
- Giới thiệu bài - Ghi bảng		- HS ghi vở	
<b>2.Hoạt động kiểm tra tập đọc hoặc học thuộc lòng:(15 phút)</b>			
* <i>Mục tiêu:</i> Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .			
- HS (M3,4) nhận biết một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các bài thơ bài văn.			
* <i>Cách tiến hành:</i>			
- Tổ chức cho HS lên bốc thăm bài tập đọc hoặc học thuộc lòng.		+ HS lên bốc thăm bài đọc.	
- Gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi nội dung bài theo yêu cầu trong phiếu.		+ HS đọc và trả lời câu hỏi theo phiếu trước lớp.	
- GV đánh giá			
<b>3. HĐ thực hành: (15 phút)</b>			
* <i>Mục tiêu:</i> Lập được bảng tổng kết vốn từ về môi trường .			
* <i>Cách tiến hành:</i>			
<b>Bài 2: HĐ Nhóm</b>			
- Lập bảng tổng kết vốn từ về môi trường		+ HS thảo luận nhóm lập bảng	
- Giúp học sinh hiểu nghĩa một số từ: Sinh quyển, thủy quyển, khí quyển.			
- Tổ chức cho học sinh làm bài theo nhóm hoàn thành bảng		- HS làm bài theo nhóm	
- Chia sẻ kết quả		- Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.	
	Sinh quyển ( <i>MT động, thực vật</i> )	Thủy quyển ( <i>Môi trường nước</i> )	Khí quyển ( <i>MT không khí</i> )
Các sự vật trong môi trường	Rừng, con người, thú, chim, cây	Sông, suối, ao, hồ, biển, khe, thác...	Bầu trời, vũ trụ, âm thanh, khí hậu
Những hành động bảo vệ môi trường	+ Trồng cây rừng, chống đốt nương, chống đánh bắt cá, chống bắt thú rừng, chống buôn bán động vật hoang dã...	Giữ sạch nguồn nước sạch, xây dựng nhà máy nước... Lọc nước thải công nghiệp	Lọc khói công nghiệp, xử lý rác thải chống ô nhiễm bầu không khí
<b>4. Hoạt động ứng dụng:(3 phút)</b>			

- Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong câu thơ sau: <i>Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then, đêm sập cửa.</i>	- HS nêu: Biện pháp nghệ thuật so sánh
<b>5. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</b>	
- Về nhà tìm các câu thơ có sử dụng các biện pháp nghệ thuật so sánh và nhân hóa.	

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....  
 .....  
 .....

*Địa lí***KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I****ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....  
 .....  
 .....

Thứ tư ngày 2 tháng 1 năm 2019

*Tiếng Việt*

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 4)****I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Nghe - viết đúng bài chính tả, viết đúng tên riêng phiên âm tiếng nước ngoài và các từ ngữ dễ viết sai, trình bày đúng bài Chợ Ta-sken, tốc độ viết khoảng 95 chữ / 15 phút .

**2. Kỹ năng:** Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .

**3. Thái độ:** Yêu thích môn học.

**4. Năng lực:**

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

**II. CHUẨN BỊ****1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Phiếu ghi sẵn tên bài tập đọc và học thuộc lòng, Ảnh minh họa người Ta-sken trong trang phục dân tộc.

- Học sinh: Sách giáo khoa

**2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật trình bày một phút, động não.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
--------------------	-------------------

<b>1. Hoạt động khởi động:(3 phút)</b>	
- Cho HS hát - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS ghi vở
<b>2. Hoạt động kiểm tra đọc:(12 phút)</b> <i>*Mục tiêu:</i> Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn . <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Tổ chức cho HS lên bốc thăm bài tập đọc hoặc học thuộc lòng. - Gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi nội dung bài theo yêu cầu trong phiếu. - GV đánh giá	+ HS lên bốc thăm bài đọc.  + HS đọc và trả lời câu hỏi theo phiếu trước lớp
<b>3. HĐ viết chính tả: (20 phút)</b> <i>*Mục tiêu:</i> Nghe - viết đúng bài chính tả, viết đúng tên riêng phiên âm tiếng nước ngoài và các từ ngữ dễ viết sai, trình bày đúng bài Chợ Ta-sken, tốc độ viết khoảng 95 chữ / 15 phút <i>*Cách tiến hành:</i>	
a) Tìm hiểu nội dung đoạn văn: - Gọi HS đọc đoạn văn - Hình ảnh nào trong bài gây ấn tượng cho em nhất trong cảnh chợ ở Ta-sken ? b) Hướng dẫn viết từ khó : - Em hãy tìm từ khó dễ lẫn khi viết chính tả. - Yêu cầu HS luyện đọc và viết các từ vừa tìm được. - GV nhận xét chỉnh sửa. c) Viết chính tả: - GV đọc cho HS viết bài. d) Thu, chấm bài.	- 2 HS tiếp nối nhau đọc - HS nêu  - Ta-sken, trồn lẫn, nẹp, mũ  - HS luyện viết từ khó  - HS viết bài
<b>4. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</b>	
- Cho HS nêu quy tắc viết hoa tên riêng nước ngoài.	- HS nêu: Viết hoa chữ cái đầu mỗi bộ phận tạo thành tên riêng đó.
<b>5. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</b>	
- Về nhà tìm thêm một số tên riêng nước ngoài và luyện viết thêm.	- HS nghe và thực hiện

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....  
 .....  
 .....

-----  
**Toán**

## LUYỆN TẬP CHUNG

### I. MỤC TIÊU:

#### 1. Kiến thức: Biết:

- Giá trị theo vị trí của mỗi chữ số trong số thập phân.
- Tìm tỉ số phần trăm của 2 số.
- Làm các phép tính với số thập phân .
- Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.
- Học sinh làm: Phần 1; Phần 2 : Bài 1, 2.

#### 2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng thực hiện các phép tính với số thập phân.

#### 3. Thái độ: Chăm thận, tỉ mỉ, yêu thích môn học

#### 4. Năng lực:

- **Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**
- **Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học**

### II. CHUẨN BỊ

#### 1. Đồ dùng

- Giáo viên: Sách giáo khoa,...
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

#### 2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

### III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. Hoạt động khởi động:(3 phút)</b>	
- Cho HS hát - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS ghi vở
<b>2. Hoạt động thực hành:(30 phút)</b>	
* <i>Mục tiêu:</i> Biết:	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị theo vị trí của mỗi chữ số trong số thập phân.</li> <li>- Tìm tỉ số phần trăm của 2 số.</li> <li>- Làm các phép tính với số thập phân .</li> <li>- Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.</li> <li>- Học sinh làm: Phần 1; Phần 2 : Bài 1, 2.</li> </ul>	
* <i>Cách tiến hành:</i>	
<b>Phần 1:</b> Hãy khoanh vào trước những câu trả lời đúng. <b>Bài 1: Cá nhân</b> - HS đọc yêu cầu - Cho học sinh tự làm. - Giáo viên gọi học sinh trả lời miệng. - Nhận xét, chữa bài. Yêu cầu HS giải thích <b>Bài 2: Cá nhân</b>	- HS đọc - Học sinh làm bài rồi chữa + Chữ số 3 trong số thập phân 72, 364 có giá trị là: B. $\frac{3}{10}$